

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty"), trước đây là Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18 tháng 10 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Thay đổi chính</i>
38/GPĐC1/KDBH	01/02/2008	Tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành 380 tỷ VND và thành lập 4 chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An và Dak Lak
38/GPĐC2/KDBH	25/06/2008	Đổi tên thành Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông Nghiệp và thành lập 3 chi nhánh tại Hải Phòng, Khánh Hòa và Cần Thơ
38/GPĐC3/KDBH	26/07/2011	Thành lập 1 chi nhánh tại Thanh Hóa
38/GPĐC4/KDBH	07/01/2015	Thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của các cổ đông và thành lập 1 chi nhánh tại Phú Thọ

Một số thông tin quan trọng của Công ty bao gồm:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
- Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
- Vốn điều lệ: 380 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
- Nhân viên: 579 người tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Đinh Việt Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2014
Bà Hoàng Thị Tính	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2014
Ông Đặng Thế Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2016
Ông Đặng Văn Liễu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2016
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2015
Ông Dương Văn Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2012

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trương Đình Cảnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2016
Ông Mai Khánh Chung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 09 năm 2016
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2012
Ông Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Hoàng Thị Tính	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2014
Ông Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2015
Ông Quách Tá Khang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2016
Ông Mai Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Tiên Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là bà Hoàng Thị Tính, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Số tham chiếu: 60804559/18800848

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính nói trên trong Báo cáo kiểm toán ký ngày 23 tháng 3 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0452-2013-004-1

Lương Thị Phương Dung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3054-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.367.901.815.250	918.658.283.520
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	114.314.382.947	82.764.644.878
111	1. Tiền		21.814.382.947	44.764.644.878
112	2. Các khoản tương đương tiền		92.500.000.000	38.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.023.056.541.700	633.725.291.700
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.023.056.541.700	633.725.291.700
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	60.674.776.343	68.383.898.430
131	1. Phải thu của khách hàng		29.963.822.276	29.530.802.265
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		29.963.822.276	29.530.802.265
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		944.024.671	791.759.309
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		34.902.590.606	42.750.455.756
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.135.661.210)	(4.689.118.900)
140	IV. Hàng tồn kho		1.750.457.246	1.638.542.877
141	1. Hàng tồn kho		1.750.457.246	1.638.542.877
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		88.846.821.440	68.513.084.331
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		88.846.821.440	68.513.084.331
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		88.787.289.622	68.513.084.331
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		59.531.818	-
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	16.1	79.258.835.574	63.632.821.304
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		24.106.789.083	26.222.178.235
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		55.152.046.491	37.410.643.069

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		177.538.358.740	374.754.785.374
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.260.262.630	6.240.968.670
216	1. Phải thu dài hạn khác		6.260.262.630	6.240.968.670
216.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm	8	6.000.000.000	6.000.000.000
216.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		260.262.630	240.968.670
220	II. Tài sản cố định		132.435.443.315	134.508.815.821
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	70.189.204.048	72.721.598.562
222	- Nguyên giá		107.315.482.582	103.676.959.945
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(37.126.278.534)	(30.955.361.383)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	62.246.239.267	61.787.217.259
228	- Nguyên giá		65.298.744.887	63.938.089.433
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(3.052.505.620)	(2.150.872.174)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		35.000.058.302	228.000.058.302
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	35.000.058.302	228.000.058.302
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.842.594.493	6.004.942.581
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.842.594.493	6.004.942.581
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.545.440.173.990	1.293.413.068.894

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		943.689.071.873	736.372.929.606
310	I. Nợ ngắn hạn		943.684.071.873	736.367.929.606
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	48.436.343.529	47.407.501.311
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		47.392.852.500	47.104.339.798
311.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		1.043.491.029	303.161.513
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	8.538.978.032	8.696.808.168
314	3. Phải trả người lao động		65.116.252.595	57.932.348.237
318.1	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.510.180.724	1.807.473.949
318.2	5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	5.953.398.721	6.811.898.273
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	9.540.871.280	7.989.623.249
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.508.460.920	30.916.283.827
329	8. Dự phòng nghiệp vụ		771.079.586.072	574.805.992.592
329.1	9.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1.	544.878.400.278	411.527.688.580
329.2	9.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1.	162.957.710.043	110.459.619.718
329.3	9.3. Dự phòng dao động lớn	16.2	63.243.475.751	52.818.684.294
330	II. Nợ dài hạn		5.000.000	5.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		601.751.102.117	557.040.139.288
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	601.751.102.117	557.040.139.288
411	1. Vốn cổ phần		380.000.000.000	380.000.000.000
411a	1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		380.000.000.000	380.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		12.000.000.000	12.000.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		53.133.188.964	36.767.680.241
419	5. Quỹ dự trữ bắt buộc		27.030.743.973	21.473.317.671
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		143.485.569.180	120.697.541.376
421a	6.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		32.337.043.135	42.879.208.319
421b	6.2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		111.148.526.045	77.818.333.057
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.545.440.173.990	1.293.413.068.894

Ông Đào Duy Trung
Phó Phòng Kế toán Tài chính

Ông Phạm Minh Trí
Trưởng Phòng Kế toán Tài chính

Bà Hoàng Thị Tính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	924.666.335.875	699.409.449.505
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	63.114.972.269	47.524.269.244
13	3. Thu nhập khác	882.818.255	335.787.675
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(534.890.614.314)	(385.075.237.427)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(90.874.287)	(64.834.352)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(314.648.827.047)	(256.952.134.672)
24	7. Chi phí khác	(30.653.195)	(95.487.072)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13+20+22+23+24)	139.003.157.556	105.081.812.901
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(27.854.631.511)	(23.254.269.288)
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51+52)	111.148.526.045	81.827.543.613
70	12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.819	1.309

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3) Trong đó: - Phí bảo hiểm gốc - Phí nhận tái bảo hiểm - Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	18	958.174.204.764	740.616.376.286
01.1	- Phí bảo hiểm gốc	18.2	1.086.529.127.840	784.451.781.752
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		4.995.788.622	40.351.256.799
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(133.350.711.698)	(84.186.662.265)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2) Trong đó: - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm - Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	19	(51.161.159.851)	(55.756.771.537)
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(49.045.770.699)	(53.474.674.225)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(2.115.389.152)	(2.282.097.312)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)		907.013.044.913	684.859.604.749
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2) Trong đó: - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		17.653.290.962	14.549.844.756
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	20	12.977.227.349	14.536.644.756
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		4.676.063.613	13.200.000
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)		924.666.335.875	699.409.449.505
11	6. Chi bồi thường (11 = 11.1 + 11.2) Trong đó: - Tổng chi bồi thường - Các khoản giảm trừ	21	(247.383.657.707)	(189.170.271.332)
11.1	- Tổng chi bồi thường		(248.082.797.881)	(193.382.869.952)
11.2	- Các khoản giảm trừ		699.140.174	4.212.598.620
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		2.010.175.891	10.029.755.069
13	8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(52.498.090.325)	(21.587.791.152)
14	9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		17.741.403.422	5.620.230.636
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)		(280.130.168.719)	(195.108.076.779)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn	16.2	(10.424.791.457)	(7.713.283.641)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2) Trong đó: 17.1 - Chi hoa hồng bảo hiểm 17.2 - Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	22	(244.335.654.138)	(182.253.877.007)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)		(534.890.614.314)	(385.075.237.427)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 + 18)		389.775.721.561	314.334.212.078
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	63.114.972.269	47.524.269.244
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	24	(90.874.287)	(64.834.352)
25	17. Lợi nhuận hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)		63.024.097.982	47.459.434.892
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(314.648.827.047)	(256.952.134.672)
30	19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 + 26)		138.150.992.496	104.841.512.298
31	20. Thu nhập khác		882.818.255	335.787.675
32	21. Chi phí khác		(30.653.195)	(95.487.072)
40	22. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		852.165.060	240.300.603
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		139.003.157.556	105.081.812.901
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(27.854.631.511)	(23.254.269.288)
60	25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)		111.148.526.045	81.827.543.613
70	26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.819	1.309

Ông Đào Duy Trung
Phó Phòng Kế toán Tài chính

Ông Phạm Minh Trí
Trưởng Phòng Kế toán Tài chính



Bà Hoàng Thị Tính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.123.318.581.495	808.191.087.663
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(594.819.779.518)	(457.957.517.266)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(150.836.759.159)	(99.779.835.801)
04	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(55.535.489.572)	(55.773.970.087)
05	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		381.555.698.164	398.623.562.579
06	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(438.682.506.245)	(474.166.754.579)
	Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		264.999.745.165	119.136.572.509
	II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(4.999.178.091)	(18.083.061.818)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(379.700.000.000)	(296.725.291.700)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		144.500.000.000	98.500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.142.210.995	45.126.254.933
	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(189.056.967.096)	(171.182.098.585)
	III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44.393.040.000)	(43.875.240.000)
	Tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(44.393.040.000)	(43.875.240.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)		31.549.738.069	(95.920.766.076)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		82.764.644.878	178.685.410.954
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60$)	4	114.314.382.947	82.764.644.878





Ông Đào Duy Trung
Phó Phòng Kế toán Tài chính

Ông Phạm Minh Trí
Trưởng Phòng Kế toán Tài chính

Bà Hoàng Thị Tính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2017